

## VỀ MỘT BẢN HƯƠNG ƯỚC CỔ CỦA LÀNG CÔNG GIÁO KẼ SẮT (HẢI DƯƠNG)

**Tóm tắt:** Trong quá trình tồn tại và phát triển, làng Công giáo, chủ yếu ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và một số làng Công giáo ở Bắc Trung Bộ, đã xây dựng hương ước của làng. Kết quả của nhiều cuộc điều tra, khảo sát cho thấy hầu hết hương ước của làng Công giáo ở hai vùng này đều thuộc hương ước thời Cải lương hương chính (nửa đầu thế kỷ XX). Chỉ có một số làng xây dựng hương ước trước Cải lương hương chính. Nếu như hương ước làng Công giáo thời Cải lương hương chính phần lớn được viết theo mẫu đã định sẵn của “Chính quyền bảo hộ” thì hương ước làng Công giáo trước thời Cải lương hương chính lại do chính làng Công giáo xây dựng. Hương ước làng Công giáo Kẽ Sắt thuộc loại hương ước trước thời kỳ Cải lương hương chính và do dân làng xây dựng. Bài viết này chỉ ra tính đặc thù trong kết cấu làng Công giáo Kẽ Sắt và giới thiệu bản hương ước cổ của làng Công giáo Kẽ Sắt.

**Từ khóa:** Làng Công giáo, hương ước, Kẽ Sắt.

### 1. Dẫn nhập

Trong quá trình truyền giáo phát triển đạo của Công giáo ở Việt Nam, các giáo sĩ truyền giáo ngoại quốc<sup>1</sup> đã phát hiện ra loại hình đơn vị hành chính mang tính đặc thù ở xứ sở này đó là *làng Việt*. Nhờ tính tự vệ, khép kín, nặng tính tự cung tự cấp về kinh tế, được tổ chức theo một thiết chế đặc biệt của làng Việt mà các giáo sĩ có được những dịp may để truyền giáo buổi ban đầu (thường được gọi là *gieo hạt giống Tin Mừng*), hoặc lần trốn khi bị nhà nước phong kiến Lê - Trịnh, đặc biệt là khi nhà Nguyễn “bắt” đạo. Dựa vào đơn vị làng - xóm, làng - xã, các thừa sai khi phát triển được một số tín đồ nhất định sẽ lập ra giáp đạo, rồi theo thời

\* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

\*\* NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

gian khi tín đồ đông lên, giáp đạo chuyển thành họ đạo (phát triển nương theo xóm - ngõ), để rồi biến cả làng hay phần lớn cư dân của làng gia nhập Công giáo. Loại hình làng như vậy được gọi là làng Công giáo, hay là làng Công giáo toàn tông. Có loại hình làng chỉ có một bộ phận cư dân gia nhập Công giáo còn lại một bộ phận lớn không phải là tín đồ Công giáo được dân gian gọi là làng xôi đỗ. Làng Công giáo Kẻ Sặt (Hải Dương) được xếp vào loại hình làng Công giáo.

## **2. Kẻ Sặt: Quá trình hình thành làng Công giáo và những đặc thù trong kết cấu làng**

### **2.1. *Quá trình hình thành làng Kẻ Sặt và giáo xứ Kẻ Sặt***

Làng Sặt (Kẻ Sặt) xưa thuộc xã Tráng Liệt Bình, tổng Thị Tranh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương<sup>2</sup>. Từ năm 1958 được tách ra thành hai đơn vị hành chính là xã Tráng Liệt và thị trấn Kẻ Sặt.

Làng Sặt nằm gọn trong khúc uốn của sông Nghĩa Giang (Sông Sặt) từ Cầu Sặt tới Cống Tranh. Sông Sặt là một chi lưu của Sông Hồng, là đường giao thông quan trọng vận chuyển hàng hóa từ các nơi đến và từ Sặt đi. Ngoài ra, Sông Sặt còn là nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt, nguồn thủy sản và cảnh đẹp tự nhiên<sup>3</sup>.

Hiện vẫn còn nhiều điều chưa thật sáng tỏ về thủy tổ của Kẻ Sặt, cũng như thời điểm hình thành Kẻ Sặt do nguồn tư liệu chủ yếu là truyền khẩu. Tương truyền, ông tổ là người làng Vân Đồn, tỉnh Nam Định, hiệu là Tráng, kết hôn với bà Liệt, không rõ quê quán. Các người con do ông bà sinh ra gắn bó với mảnh đất này, sinh con đẻ cái, cư dân đông đúc và lập ra một trại. Thấy nơi đây làm ăn phồn thịnh, một số cư dân, phần lớn là người Nam Định, kéo nhau đến đây xin gia nhập trại. Cùng với thời gian, làng Sặt (Tráng Liệt) dần hình thành, thời điểm có lẽ vào thế kỷ XV.

Cũng như việc xác định thời điểm hình thành làng Kẻ Sặt, việc xác định cư dân Kẻ Sặt đón nhận Tin Mừng khi nào vẫn còn là ẩn số. Có giả thuyết cho rằng người dân Kẻ Sặt đón nhận Tin Mừng từ các thừa sai Dòng Tên ở Kẻ Chợ (Thăng Long) bởi dân làng tới đó buôn bán, tông giáo và truyền cho dân làng. Một số người lại chủ trương: dân Kẻ Sặt đón nhận Tin Mừng từ các thừa sai ở Phố Hiến vì nửa đầu thế kỷ XVII ở nơi đây luôn xuất hiện các thừa sai đến truyền đạo. Theo cuốn *Sử ký địa phận Trung*<sup>4</sup> thì cư dân Kẻ Sặt đón nhận Tin Mừng từ các thừa sai Dòng Tên: “Vậy khi các đấng Prôvicariô biết thì tìm chúng tôi về<sup>5</sup>, mà dạy phải đi

coi xứ Đông<sup>6</sup>. Trong xứ ấy có nhiều bôn đạo thuộc về các đảng Dòng Tên. Song lư khi các đảng ấy bỏ nước này đã 6 năm nay<sup>7</sup> thì người ta không chịu xưng tội với ai sót. Vì vậy, chúng tôi vâng nhờ các đảng Prôvicariô mà giở về ngay, tôi để cho cha Cao<sup>8</sup> một nửa xứ tỉnh Đông, còn một nửa nữa và giót với xứ Bắc<sup>9</sup> thì tôi coi sóc. Trong 3 năm, chúng tôi đã coi hai xứ này, thì đã dựng lên nhiều nhà thờ, nhà ở, nhất là ở làng Kẽ Sắt. Người trong làng này rước tôi cách vui vẻ và lòng cung kính lắm, mà bây giờ vốn còn giữ lòng kính như trước. Tôi đã lập được họ<sup>10</sup> Rôsariô trong làng Kẽ Sắt và nhiều làng khác, cùng tập cho bôn đạo đọc kinh lần hạt<sup>11</sup> chia bè nữa... Đến năm 1690, chúng tôi lại giở về coi sóc xứ Nam<sup>12</sup> như trước đây”.

Như vậy, vào thời điểm 1676 - 1677 trong Giáo sử xuất hiện *Kẽ Sắt*. Đồng thời, đây là thời điểm mà theo chúng tôi có lẽ Kẽ Sắt đã chuyển đổi thành làng Công giáo và có thể là tuyệt đại cư dân của làng đã gia nhập Công giáo. Chỉ có như vậy mới lý giải được vào thời điểm 1695 Kẽ Sắt được nâng lên hàng giáo xứ.

Sách *Sử ký địa phận Trung* còn cho biết, năm 1696 vua Lê ra lệnh cấm đạo, thừa sai Thomas trốn về làng Kẽ Sắt bằng an. Ba thừa sai, cha chính Thập (Juan de Santa Cruz), cha Cao (Lézoli) và cha Thomas học tiếng Việt gần một năm, đến ngày 18 tháng Juliô năm 1697 mới trở lại xứ Nam. Ngày mồng hai tháng Februariô Đức Thầy Belot đang làm Vít vô<sup>13</sup> Địa phận Tây (Hà Nội) bây giờ truyền chức cho cha Cao (Lézoli) làm Vít vô Acayense và Vicariô Apôstôlicô Địa phận Đông tại làng Kẽ Sắt<sup>14</sup>.

Từ khi thành lập cho đến nay, đặc biệt là trước thời điểm 1954, giáo xứ Kẽ Sắt diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng liên quan đến giáo xứ, giáo phận và có những sự kiện liên quan đến cả nước. Đó là sự kiện năm 1900, từ ngày 11 tháng 2 đến ngày 6 tháng 3: Công đồng hội các giám mục Miền Bắc (từ Sông Gianh trở ra) lần thứ nhất diễn ra tại nhà thờ *Thánh đường Nữ Vương rất Thánh Mân Côi* ở làng Kẽ Sắt<sup>15</sup>. Tham dự Công đồng có 7 giám mục và 8 nghị phụ. Năm 1912, cũng tại Kẽ Sắt diễn ra công đồng hội Bắc Kỳ lần thứ hai. Một số giám mục được tấn phong tại Kẽ Sắt.

Năm 1938, số tín đồ Công giáo làng Sắt là 7.480 người. Năm 1954, sau Hiệp định Gionevơ, có tới 80% tín đồ - cư dân Kẽ Sắt di cư vào Nam. Năm 2004, giáo xứ Kẽ Sắt có 5.175 tín đồ<sup>16</sup>. Giáo xứ ngày nay thuộc Giáo phận Hải Phòng.

## 2.2. Những đặc thù trong kết cấu bộ máy hành chính làng Kẽ Sắt

So với nhiều làng Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ, Kẽ Sắt có tuổi đời muộn hơn nhiều nhưng trong tiến trình khẩn hoang, lập làng, Kẽ Sắt mau chóng vận hành theo mô hình làng Việt cổ truyền và cũng là một trong những làng Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ sớm chuyển thành làng Việt Công giáo.

Trong quá trình chuyển đổi hoặc khi đã đổi thành “làng Công giáo”, không ít làng Công giáo loại bỏ một số thiết chế làng Việt truyền thống, chẳng hạn như thiết chế giáp, các tổ chức hội (như: hội tư văn, hội tư võ). Nhiều làng Công giáo dỡ bỏ đình lấy vật liệu làm nhà thờ Công giáo hoặc bán đấu giá,... Tuy nhiên, làng Công giáo Kẽ Sắt không làm như vậy. Tại đây tồn tại sự song hành trong việc vận hành làng Việt truyền thống và làng Công giáo, nghĩa là ở làng Công giáo, yếu tố làng Việt truyền thống vẫn được giữ nguyên, hoàn toàn không có sự lấn át của yếu tố Công giáo trừ việc thực hành tôn giáo được chuyển đổi từ đời sống tôn giáo cổ truyền sang đời sống Công giáo nhất thần.

Làng Công giáo Kẽ Sắt vẫn duy trì cách tổ chức và sự vận hành của các *giáp*. *Giáp* ở Kẽ Sắt là tập hợp của một số gia đình chung một dòng họ có quyền lợi chung nhất về phương diện tế tự, tang tế. Như vậy, dù không thực hành thờ cúng tổ tiên nhưng dòng họ ở Kẽ Sắt vẫn được xem trọng, đặc biệt trên phương diện tế tự, tang tế. Đây là điểm khác biệt so với nhiều làng Công giáo khác, vì phương diện này thường do họ đạo đảm nhiệm. Ban đầu làng chỉ có 5 giáp, đến nay đã tăng lên tới 27 giáp.

Hiện tại làng có 22 xóm, chia thành 4 khu: khu Thượng, khu Trung, khu Hạ và khu Phố. Khu Phố vốn là khu An Quý được thành lập từ những người dân các làng, xã khác đến định cư buôn bán. Khi gia nhập làng, khu An Quý ban đầu thiết lập hai giáp là An Thành và Liệt Thị. Sau vì quá đông mà lập thêm hai giáp An Phú, An Nghĩa. Theo cách phân chia đơn vị hành chính thời bấy giờ, Kẽ Sắt là đơn vị hành chính *nhất xã nhất thôn*, chỉ khác về tên gọi, tên xã là Tráng Liệt, tên làng giữ nguyên, và tên làng thành tên giáo xứ sau khi dân làng gia nhập Công giáo. Trong làng có hội Kỳ Anh và hội Tư Văn.

Hội Kỳ Anh tập hợp các vị từ 60 tuổi trở lên, chia làm 3 ngành: Ngành Hương trưởng: gồm các vị chánh/phó tổng, tiên/thứ chỉ, lý/phó trưởng; Ngành Hương mục: gồm các vị khán thủ, xã đoàn, vệ binh, nhiều<sup>17</sup>; Ngành Hương lão: gồm các vị từ 60 tuổi trở lên.

Hội Tư Văn trông coi việc lễ nghi, gồm các vị hương lão, chức sắc đạo - đời. Ngoài ra, kết cấu của hội còn gồm cả các vị giữ chức *nhiều, vệ, binh*. Khác với hội Tư Văn ở làng Việt cổ truyền lo việc cúng tế Khổng Tử ở Văn chỉ của làng, hội Tư Văn ở làng Công giáo có chức năng điều khiển và thương thảo các cuộc lễ nghi Công giáo. Việc thành lập hội Tư Văn ở làng Công giáo là một nét sáng tạo trong kết cấu làng Công giáo. Tiến hành khảo sát ở nhiều xứ họ đạo, làng Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ, chúng tôi lần đầu tiên ghi nhận hội Tư Văn là một sự chuyển đổi đầy tính sáng tạo của làng Công giáo Kẻ Sặt.

### 3. Hương ước xã Tráng Liệt: Những biểu hiện đặc thù

#### 3.1. Đặc thù về văn bản

Nếu như một số bản hương ước được soạn thường theo những khuôn mẫu quy định về từng nội dung như *thể chế chính trị; về hình mực; giáo dục, khao vọng, tế tự...* rồi từ mỗi nội dung hay mỗi mục được triển khai một hoặc một vài điều khoản quy định theo nội dung hay mục đó thì hương ước xã Tráng Liệt không theo khuôn mẫu đó. Mặc dù vậy, hương ước xã Tráng Liệt vẫn là một bản hương ước thực thụ bởi chính nội dung của nó.

Ở góc độ văn bản học, bản hương ước này được viết bằng chữ Hán trên giấy dó, chữ viết chân phương, được đóng quyển (kích thước 14x28 cm). Toàn bộ hương ước gồm 28 trang, trong đó: 27 trang đầu là nội dung hương ước được soạn năm 1887, thời Đồng Khánh; trang cuối của hương ước ghi năm sao chép lại (năm Bảo Đại thứ 7, tức năm 1942 tính theo thời điểm vua Bảo Đại chính thức đăng cơ), có chữ ký và đóng dấu của lý trưởng bằng mực xanh dấu vuông và của tiên chi<sup>18</sup> bằng mực xanh dấu tròn. Mỗi trang hương ước có 8 dòng, mỗi dòng đủ chữ có từ 24 đến 29 chữ, tổng cộng hương ước này có 17.351 chữ.

Hương ước gồm 57 điều. Mỗi điều có hai nội dung: trước là quy định một vấn đề cụ thể, sau là quy định hình phạt. Ví dụ: Điều 3. *Thanh âm buổi tối cần yên tĩnh để tránh tiếng động ở bất kể thời điểm nào. Lệ người nào không vì lý do gì mà hô hoán ầm ĩ, làm náo động hương ấp, hoặc kêu gào làm náo loạn cả xã, định phạt 1 con lợn, 1 vò rượu không tha.*

Đối tượng chịu hình phạt trước hết là người trực tiếp vi phạm. Ngoài ra trong một số trường hợp còn là sự truy cứu đối với những đối tượng liên đới như cấp trên của người đó, cũng có khi là bố mẹ, ông bà, những

người thông đồng, bao che, tranh chấp... Hình phạt có khi còn mở rộng tới đời con cháu của kẻ vi phạm. Ví dụ, Điều 7. *Địa phận đồng điền của bản xã định lệ cấm không cho chăn thả trâu, vịt. Nếu người nào cạy mình có thể, có tiền mà mưu đồ tư lợi, một mực đòi nuôi gia súc, sau lại còn sinh sự như thế nào đó, thì kẻ đó phải chịu tội. Con cháu 3 đời của kẻ đó cần bị cấm vào trong đình dự lễ.*

Kẻ phạm tội nhiều lần, hình phạt của làng thường tăng nặng thêm. Những người tố cáo, đặc biệt là những người tham gia ngăn chặn giặc cướp đều được làng khen thưởng vật chất, nếu bị thương sẽ được chu cấp thuốc men, chẳng may qua đời được làng chi phí chôn cất và được hưởng nhiều nam một đời để trả công. Người có công mà còn sống ngoài việc được làng thưởng vật chất, bản thân người đó hoặc người thân được bổ thêm một suất nhiều.

Một nét đặc thù về văn bản cần thiết được chỉ ra là hương ước làng Công giáo Kẻ Sặt do chính người Công giáo soạn thảo nhưng *tính Công giáo* của văn bản là hết sức mờ nhạt. Trong toàn bộ 57 điều, chỉ có điều 17 và điều 24 thể hiện chút ít nội dung Công giáo.

Điều 17. Người đã thuận tình lấy nhau, hôn lễ sắp thành, nếu không gặp chuyện lớn mà từ chối cưới xin thì cần thúc giục, phạt 1 con gà, 1 vò rượu và đánh 30 đòn tre để mọi sự hài hòa, không sinh thói tệ khác. Nếu xảy ra biến cố lớn, hoặc *linh mục của bản quán ra lệnh cho ly dị, hoặc hai bên thuận tình ly dị thì không áp dụng theo lệ này.*

Điều 24. Người ở trong hương đảng nếu gặp chuyện bất bình gì thì cần đem 1 buồng cau, 3 mạch tiền trình bản xã để phân xử, phí tổn bản xã thu để sửa trị đúng việc, nếu thấy vẫn chưa thỏa đáng, chánh phó lý trưởng bắt cả bên nguyên và bị đơn tề tựu đầy đủ tại *giáo đường* để trình bày, biện bác<sup>19</sup>.

Một trong những điều đáng lưu tâm ở bản hương ước làng Kẻ Sặt là phần mở đầu. Hương ước làng Kẻ Sặt có cách mở đầu giống như hầu hết các bản hương ước khác: *Thường nghe: nước có kỷ cương để duy trì quốc tục, dân có các điều ước bắt buộc để giữ dân tâm trong khuôn thước.*

Phần mở đầu toát lên hai ý hết sức quan trọng. Ý thứ nhất, việc soạn thảo hương ước không phải do hương đảng làm theo ý mình mà dựa vào phép nước, lệ làng lấy đó làm căn cứ, làm mực thước. Ý thứ hai, người Công giáo là con dân của làng của nước nên phải theo phép nước, lệ làng.

Điều này cho thấy người Công giáo trong lịch sử, nhất là người Công giáo Kẻ Sặt - một làng đạo chịu nhiều tổn thất trong thời kỳ nhà Nguyễn bất đạo, nhưng không vì thế mà họ quên bổn phận của mình.

Phần mở đầu cho biết trước khi có bản hương ước soạn thời Đồng Khánh, bản xã đã có hương ước rồi, nhưng bị thất lạc. Vì vậy, trước những phức tạp đang nổi lên ở làng, “bản xã bèn hội họp việc công, tính toán những điều được mất, lấy cái cũ để phục vụ cho cái mới, mong làm sao để phù hợp với mong muốn của dân và của phong tục mảnh đất này. Bàn rằng: từ nay cội nguồn không gì không đáng noi theo, tổ tiên tìm đến mảnh đất này, phong hóa hẳn là không phải không có giá trị. Vậy thì nhân lúc mất mát này mà tìm lại. Tất cả các điều đều ghi lại đầy đủ dưới đây”.

## **2.2. Đặc thù về mặt nội dung**

*Thứ nhất*, là hương ước làng Công giáo nhưng không bị ảnh hưởng bởi tính tôn giáo (Công giáo) so với một số bản hương ước khác của làng Công giáo. Ở đây không có những quy định về các ngày lễ Công giáo mà có lẽ hầu hết các bản hương ước làng Công giáo khác đều có. Nội dung Công giáo chỉ có hai điểm hết sức mờ nhạt ở điều 17 và điều 24 được đề cập ở phần trên. Vì vậy, không có sự lẫn lộn đạo - đời. Với một làng Công giáo cổ, đậm nét sinh hoạt tôn giáo trong đời sống tín đồ nhưng nhờ rạch ròi đạo - đời mà bản hương ước có sắc thái riêng.

*Thứ hai*, một số phong tục cổ truyền của làng Việt được dân làng Kẻ Sặt duy trì qua hương ước. Đó là tục hạ điền (xuống đồng), thượng điền (lên đồng), thường tân (mừng cơm mới). Việc duy trì những tục lệ trên cho thấy tính trọng nông của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, mặc dù trong làng đã xuất hiện những hộ thương nghiệp, buôn bán. Với các điều từ điều 5 đến điều 11 quy định những nội dung liên quan đến nông nghiệp, bảo vệ đất đai, mùa màng, xây dựng mương phải quy định nguồn nước tưới... cho thấy đây là một bản hương ước trọng nông theo đúng quan điểm “dĩ nông vi bản”.

*Thứ ba*, đó còn là phong tục hương ẩm với những bàn nhát, nhì; là vị trí của người dân nơi đình trung. Làng vừa tôn trọng bậc cao niên, trưởng thượng vừa tôn trọng bậc học hành khoa cử.

Điều 26. Lệ tôn ti có thứ tự thì trên dưới hòa hợp, hương đảng được duy trì; lệ kẻ có vị thứ thấp sao dám làm loạn, gây rối: Trong xã người nào là người có danh, văn từ tú tài trở lên, võ từ suất đội trở lên, các tiết

hội họp yên ả trong đình nên được kính trọng mời lên bàn nhất để người thấp kém tỏ được sự tôn quý, ngoài ra văn ban 1 vị, võ ban 1 vị tuổi cao có đức hạnh, và tuổi cao thành thực cùng ngồi bàn nhất.

Điều 27. Địa vị phi thường để đãi người phi thường: bản xã tôn kính một vị trưởng thượng, nên định lệ là người có gốc gác tổ tiên trong xã, văn từ tú tài trở lên, võ từ suất đội là xứng đáng với địa vị đó. Ngoài ra, duy chỉ có người được cai tổng chỉ định khen thưởng mới được người dân suy tôn trọng vọng. Nếu không có điều kiện đó thì chớ đãi ngộ bừa bãi, dân mới chịu.

Bậc tôn trưởng được làng tôn kính, có địa vị cao nơi đình trung, dịp tết nguyên đán được xã sắm một lễ dâng lên (Điều 41). Khi làng có công việc hệ trọng, lý dịch sau khi bẩm báo lên cấp trên phải báo cho bậc tôn trưởng (Điều 35). Ngoài ra, vào dịp chiếu quyền lệ có các công lao, cần chọn 2 con cá kính biểu bậc tôn trưởng cao nhất, 1 con biểu bậc lão thành cao nhất, 1 con thì tùy nghi cân nhắc để bậc đứng trên được hưởng (Điều 43).

*Thứ tư*, nội dung hương ước cho thấy làng tôn trọng phong hóa, tích cực gây dựng phong hóa, duy trì sự hòa mục trong thôn xóm. Ba điều đầu tiên đã thể hiện rõ mục tiêu này.

Điều 1. Cách cư xử trong hương đảng phải phù hợp ôn hòa, trên hòa dưới mực, dùng ân đức mà yêu thương lẫn nhau, dùng lễ nghĩa mà nhường nhịn lẫn nhau, bảo vệ giúp đỡ nhau, hỗ trợ nhau để làm sáng thêm mối quan hệ thân thiết thuận hòa...

Điều 2. Lệ hương đảng là việc hội họp của các bậc cha anh trong tông tộc sở tại, áo mũ tất phải nghiêm trang, dung mạo tất phải đoan nghiêm, ngôn từ tất phải khiêm tốn, thuận hòa theo lễ nghĩa...

Điều 3. Thanh âm buổi tối cần yên tĩnh để tránh tiếng động, bất kể thời điểm nào. Lệ người nào không vì lý do gì mà hô hào âm ỹ, làm náo động hương ấp, hoặc kêu gào làm náo loạn cả xã, định phạt 1 con lợn 1 vỏ rượu không tha.

Đối với người không may mắc trọng bệnh như bệnh hủi (bệnh phong), làng quy định “nên thương xót, không nên quá xa lánh, nên định tiền ơn huệ là 10 quan để người đó ra nơi khác cư trú để yên ổn cuộc sống” (điều 15). Người xã khác nếu chôn cất người qua đời tại đất tha ma của làng, đây là dựa trên đạo lý dân gian, nghĩa tử là nghĩa tận (điều 21). Người tha hương nếu có nguyện vọng được làng thuận tình cho nhập bạ (điều 22).



Bản xã đề cao việc hòa giải khi xảy ra xích mích để đạt đến thân thiết, hòa mục. Những người có lòng dạ hẹp hòi làm nảy sinh nghi kỵ, tị hiềm hoặc nói lời phi pháp sẽ bị phạt nặng (điều 23). Tình nghĩa vợ chồng thủy chung được đề cao. Điều 16: Con người mà không có lễ nghĩa thì không khác gì cầm thú. Giữa nam và nữ có những ham muốn của con người, nếu không nghiêm chỉnh để phòng trừ việc đó thì khó tránh làm tổn hại đến phong hóa. Trong xã nếu có ai thông dâm trước, cưới gả sau dẫn đến hoang thai, sự trạng đã rõ, người có vợ chồng rồi nhưng vẫn ngoại tình, đều bị phạt 1 con trâu, 3 vò rượu để ngăn chặn dâm phong. Nếu tái phạm, vẫn phạt như cũ và đánh 50 đòn tre. Có thể nói đây là một hình phạt rất nặng của làng.

Kẻ trộm cắp, che giấu kẻ gian, người gây ra hỏa hoạn, kẻ ngồi nhìn hỏa hoạn không chịu ứng cứu, đặc biệt là những kẻ nghiện hút, cờ bạc, làng đều có điều lệ trừng phạt, thể hiện qua các Điều 11, 13, 18, 19, 20. Chức dịch trong làng phạm vào các điều trên, làng “tăng mức phạt để làm trong sạch từ gốc”. Nếu chức dịch hút nha phiến, ngoài chịu hình phạt như người thường còn phải chịu phạt xuống một bản (trong chiếu đình trung). Tội hút nha phiến được coi là một trong những tội trọng, tái phạm mức phạt tăng lên một cấp, tái phạm nhiều lần sẽ bị đuổi ra khỏi làng, khi chết làng không lo mai táng. Đó thật là một hình phạt nghiệt ngã nhưng hoàn toàn có thể chấp nhận được.

*Thứ năm*, hương ước được các đại diện của dân làng biểu quyết thông qua, và tất cả người dân phải chấp hành. Về hình thức đây là một biểu hiện của tính chất “tự quản” và “dân chủ” của làng Việt truyền thống. Tuy nhiên, cũng giống như các bản hương ước của các làng Việt chịu ảnh hưởng nhiều của Khổng giáo, tính chất tôn ty, mức độ gò ép con người trong những quy chuẩn, trong sự phân biệt dân ngụ cư và chính cư... của hương ước xã Tráng Liệt dù thích hợp với nhu cầu ổn định xã hội của mô hình làng xã tiểu nông thời phong kiến, nhưng cũng tạo sự kìm hãm đối với tính năng động của toàn xã hội. Không những vậy, quyền lực của hệ thống chức dịch làng xã và việc phân chia “xôi thịt” ở chốn đình trung nếu không có cơ chế giám sát hữu hiệu có thể khiến nhiều người dân vốn nghèo khó phải chịu thêm các tầng áp bức như nhiều trường hợp được miêu tả trong văn chương Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Đây là điểm cần chú ý trong đời sống hiện đại khi mà ở một số địa phương những phong tục cổ truyền ở làng xã có xu hướng được phục hồi trở lại.

Hương ước xã Tráng Liệt - Kẻ Sặt còn có những điều lệ quy định về phòng gian bảo mật, về bảo vệ an ninh thôn xã, bắt trộm cướp, lệ tiền cheo, thuế, khuyến học, tục coi trọng người già, việc bầu chọn chức dịch, hương lão, lệ biếu tặng...

#### **4. Một vài nhận định**

Nhìn tổng thể, đây là một bản hương ước được soạn thảo tương đối đầy đủ, với những chế định rõ ràng, văn phong chặt chẽ, hàm lượng xúc tích.

Phần lớn hương ước của các làng Công giáo được soạn trong thời Cải lương hương chính với những mục, điều khoản được định sẵn, hoặc gợi ý sẵn để các làng xã nói chung và làng Công giáo nói riêng theo đó điền những nội dung cần thiết tùy theo đặc trưng riêng của mỗi làng xã. Vì vậy, ít thấy có sự sáng tạo, không phản ánh được nhiều nét đặc sắc về phong hóa của làng đạo. Nhưng với hương ước xã Tráng Liệt - giáo xứ Kẻ Sặt được soạn từ năm 1887, thời vua Đồng Khánh, cách xa hương ước Cải lương hương chính tới gần  $\frac{1}{2}$  thế kỷ thì đây là một bản hương ước cổ không chỉ đối với làng Công giáo mà còn đối với làng Việt truyền thống. Với bản hương ước này, làng Công giáo Kẻ Sặt đã góp một phần dù cho nhỏ bé vào văn hóa làng Việt, vừa làm phong phú làng Việt truyền thống vừa làm phong phú văn hóa làng Công giáo, một loại hình làng hình thành không phải để ly khai, để trở thành một “lãnh địa riêng” mà đó là sự thêm hoa trái mới trên con đường “Phúc âm hóa” của Công giáo ở Việt Nam.

Bản hương ước làng Công giáo Kẻ Sặt với việc đề cao, xây dựng phong hóa, tôn trọng những giá trị nhân văn của tiền nhân (vốn không phải là người Công giáo) để lại, và tạo dựng những giá trị văn hóa mà làng tạo dựng khi gia nhập Công giáo cho thấy làng Công giáo cũng như bao làng Việt khác luôn coi trọng, giữ gìn và phát triển các giá trị về phong hóa, nhân văn và nguồn cội.

Người Việt Nam khi gia nhập Công giáo tuy buộc phải thực hiện một số điều thuộc về tín lý, trong đó có điều không thực hiện thờ cúng tổ tiên nhưng họ vẫn là và luôn là người Việt. Dù các thừa sai có ban hành bao nhiêu văn bản, với những quy định ngặt nghèo, nhiều khi kèm theo những hình phạt vật chất và tinh thần, mà mức cao nhất là khai trừ ra khỏi đạo, nhưng người Việt Nam Công giáo với các ngành nhánh, đường

nẻo khác nhau, có khi còn là những nguồn mạch ngầm chảy vẫn hướng về ngọn nguồn dân tộc. Điều mà các nhà nghiên cứu gọi là con đường đi phi quan phương, con đường đi của những tín đồ - người dân. Để rồi khi có điều kiện, nhất là khi Giáo hội Công giáo tại Việt Nam đón nhận Công đồng Vatican II với đường hướng *canh tân và nhập thế*, đặc biệt khi Hội đồng Giám mục Việt Nam qua *Thư chung 1980* đề ra đường hướng “Xây dựng trong Hội thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc”, hoặc đường hướng “Sống, làm chứng và loan báo Tin Mừng theo cung cách Việt Nam” thì bùng phát, nhất loạt như triều dâng ào ạt tuôn chảy với đường đi dân tộc.

Hương ước xã Tráng Liệt - Kẻ Sặt đi theo con đường như vậy. Nói như người Công giáo thì đây là một “dấu chỉ” của tiến trình Phúc âm hóa Công giáo ở Việt Nam./.

---

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Người Công giáo Việt Nam quen gọi là các thừa sai
- 2 Sở dĩ làng có tên là Tráng Liệt Bình vì để tránh nhầm lẫn với làng Tráng Liệt huyện Thanh Hà (Hải Dương). Theo tài liệu: *Lịch sử làng Tráng Liệt*, nguồn <http://www.giaoxukesat.com/lich-su-lang-trang-liet/>, truy cập tháng 12 năm 2014.
- 3 Theo: *Lịch sử làng Tráng Liệt*, nguồn <http://www.giaoxukesat.com/lich-su-lang-trang-liet/>.
- 4 Sách: *Sử ký Địa phận Trung*, in tại Phú Nhai đường 1916, tr. 38.
- 5 Linh mục chính Thập (Juan de Santa Cruz). Thừa sai này rời Manila (Philippine) cuối năm 1675 để đến ngày 7/7/1676 đến Phố Hiến (Hưng Yên), đánh dấu sự có mặt của giáo sĩ dòng Đa Minh ở Đàng Ngoài.
- 6 Theo cách gọi lúc bấy giờ, Kẻ Sặt (Hải Dương) thuộc vào xứ Đông.
- 7 Thời điểm các giáo sĩ Dòng Tên vắng mặt ở Việt Nam là vào năm 1663.
- 8 Tức Thừa sai Léo zoli Cao.
- 9 Chỉ những xứ đạo vùng Kinh Bắc, cụ thể là Bắc Ninh bấy giờ.
- 10 Chính là hội Rô sariô. Thời bấy giờ hội (đoàn) được gọi là họ.
- 11 Chuối (tràng) hạt Mân côi.
- 12 Các xứ đạo thuộc về Nam Định, Thái Bình bấy giờ.
- 13 Vít vồ: Giám mục.
- 14 *Sử ký Địa phận Trung*, sđd: 29 - 30.
- 15 Quen gọi là Công đồng Kẻ Sặt lần thứ nhất
- 16 Văn phòng Tổng thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo: 534.
- 17 Nhiều: Chức vị dành cho con trai các quan chưa có phẩm hàm chức tước (về sau ở nông thôn có thể mua được), có quyền dự bàn các việc trong làng xã và miễn tạp dịch phu phen.

18 Tiên chi: Người đứng đầu Hội đồng kỳ mục các xã ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ thời Nguyễn.

19 Những chữ in nghiêng là chúng tôi nhân mạnh nội dung Công giáo.

## **Abstract**

### **AN ANCIENT VILLAGE RULE OF KÊ SẮT CATHOLIC VILLAGE (HẢI DƯƠNG PROVINCE)**

In the process of existing and expanding, the catholic villages, most of them in the Red river delta and some in the North-Center, constituted their Village Rules (Rules). According to the results of our survey, most of catholic village Rules in these regions belong the Cải lương hương chính period (French colonial government's policy on administrative commune reform) in the first half of the 20<sup>th</sup> century that followed the form given by the colonial government. Only a few Rules were written before the Cải lương hương chính period which created by the villagers. The catholic village Rule of Kê Sắt was an ancient one (before the Cải lương hương chính period). This article shows structural characteristics of the catholic village of Kê Sắt and its ancient Rule.

**Keywords:** Catholic village, Village Rule, Kê Sắt.